

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Ngọc Cúc

+ Bà Nguyễn Thị Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Bé B, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Số 117, ấp L 2, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số 117, ấp L 2, xã P, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn bà Thái Thị Bé B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Thanh M chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyển số 02/2010 ngày 10/12/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hay xung đột, cãi vã, không tìm được

tiếng nói chung trong nhiều vấn đề. Mâu thuẫn kéo dài đã nhiều năm, tuy sống chung nhà nhưng ông bà không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Giữa năm 2021, bà có nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông M nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Nhưng sau khi rút đơn về thì vợ chồng mâu thuẫn càng thêm trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thái Hoàng S, sinh ngày 18/02/2010. Khi ly hôn, bà B yêu cầu giao cháu S cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà B không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không thực hiện và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; về con chung: Giao cháu Lê Thái Hoàng S cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Thái Thị Bé B khởi kiện ông Lê Thanh M yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Nguyên đơn bà Thái Thị Bé B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Thanh M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông M sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyển số 02/2010 ngày 10/12/2010, căn cứ các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương nơi cư trú cho thấy: quá trình chung sống giữa bà B và ông M có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được, do các đương sự không khai báo. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải nhưng ông M vẫn vắng mặt không đến Tòa, không có lý do chính đáng nên không thể tiến hành hòa giải. Điều này cho thấy ông M không muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình. Bà B vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông M do không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông M là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn nên yêu cầu của bà B về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho bà B được ly hôn với ông Lê Thanh M.

Về con chung: bà B và ông M có 01 con chung tên Lê Thái Hoàng S, sinh ngày 18/02/2010. Ly hôn, bà B yêu cầu giao cháu S cho bà trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bà B không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Bà B có nơi cư trú ổn định tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai, đang làm công việc bán tạp hóa, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông M và yêu cầu ông nêu ý kiến về việc nuôi con nhưng ông M không có ý kiến. Việc giao cháu S cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp nguyện vọng của cháu S. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà B về việc giao cháu S cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Bà B không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Thái Thị Bé B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Bé B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Bé B được ly hôn với ông Lê Thanh M.

- Về con chung: Bà B và ông M có 01 con chung tên Lê Thái Hoàng S, sinh ngày 18/02/2010. Giao cháu S cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông M thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Thái Thị Bé B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004289 ngày 19/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà B đã nộp đủ án phí.

3. Bà B có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung